

BẢNG ĐIỂM HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020-2021
CT TIẾNG ANH TÍCH HỢP - TRƯỜNG THCS NGUYỄN GIA THIỀU
LỚP NGT 8.1

STT	Họ và tên	Tiếng Anh		Toán		Sinh	Lý	Hóa
		Điểm KTCK	Điểm KTCK	Điểm KTTX	Điểm KTCK	Điểm KTCK	Điểm KTCK	Điểm KTCK
1	Hồ Phạm Hoàng Anh	9.3	9.8	8.3	8	7.5	7.8	9.3
2	Nguyễn Hồng Anh	10	8.3	9	9.3	8.8	9	9.5
3	Đỗ Minh Anh	9.3	8	6.8	6.5	9.3	8.5	9.3
4	Nguyễn Thanh Danh	9.5	9.8	7	9.5	9.5	8.5	8.5
5	Nguyễn Minh Đăng	10	9.5	8.5	10	10	9.8	10
6	Đặng Trần Ngọc Hà	10	10	10	9.5	8.8	9.5	10
7	Trần Nguyễn Quỳnh Hoa	10	10	10	10	10	10	10
8	Dương Vân Hương	10	9.3	10	9.8	9.5	9.5	10
9	Ngô Quang Khải	6.8	6.3	7.8	7.5	8.8	6	7
10	Lê Anh Khôi	10	10	6	8.8	7	7.8	9.5
11	Huỳnh Kiên	9.8	10	10	9.8	8.8	9.5	9
12	Nguyễn Ngọc Mai	9.8	10	8.3	9.5	9.5	8.5	10
13	Lê Hà My	10	10	9.5	8.5	9.8	10	9.3
14	Trần Hồng Thảo My	9.8	9.5	10	9.8	10	10	10
15	Lương Trà My	8.8	8	8	8.5	9.3	8.5	9.5
16	Nguyễn Ngọc Thiện Mỹ	8.8	9	6	7.5	6.5	7.5	8
17	Nguyễn Ngọc Nguyệt Ngân	7.5	8.3	4.5	9.3	10	8	9.3
18	Nguyễn Bùi Mỹ Ngọc	7.8	6	4	5.8	4.3	5	6
19	Nguyễn Ninh Trí Nhân	9.8	9.5	7.5	8	8.5	8	8.3
20	Ngô Quỳnh Như	8.8	7.8	8	7.5	6.3	5.5	8
21	Phạm Nguyễn Kim Quyên	8	7	9.3	7.5	7.5	8	10
22	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	8.8	8.5	7.3	10	10	10	10
23	Nguyễn Ngô Thái Sơn	6.8	6.8	4	6	7.8	8	6.3
24	Nguyễn Quang Thái	8	8.3	5.3	8	6.3	8.3	7.3
25	Nguyễn Tâm Thắng	9.3	8.8	10	10	8.3	9.5	8.8
26	Trần Lê Đức Thịnh	9.8	8.8	10	8.5	8.5	9.3	10
27	Nguyễn Liêu Khang Thịnh	9.5	9.3	7.3	7.3	9.5	9	8.5
28	Ngô Vĩnh Thịnh	9.8	8.5	10	10	10	10	10
29	Trương Bảo Trâm	7.3	6	6	7.8	4.8	6.3	8
30	Huỳnh Bảo Trân	10	10	8	10	9.8	9	9.5
31	Lý Viễn Tri	10	10	10	10	10	10	10
32	Phù Khôi Trí	9.3	9.3	8	9.3	10	9	8.3
33	Phạm Quang Trí	9.3	7	7	8	8.8	7.8	9.5

TP. HCM, ngày 7 tháng 5 năm 2021

Giám đốc Chương trình



Đinh Thiện Căn